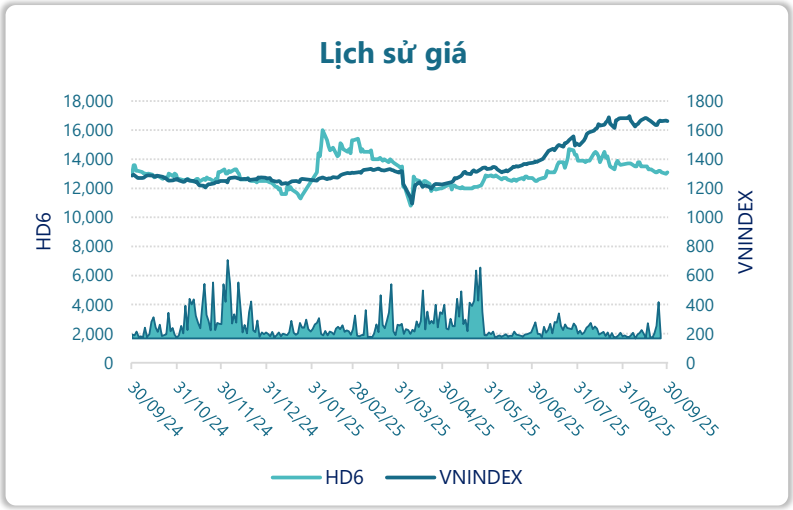
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,215
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
P/E	3.9
EPS	3,374

DT thuần

Q3/25

23.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 4.7%

YoY: ▼97.5| -80.5%

LN sau thuế

Q3/25

0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.18| -88.8%

YoY: ▼2.61| -94.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.7%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

9T 2025

56.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼255| -81.8%

LN sau thuế

9T 2025

1.57

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.05| -79.4%

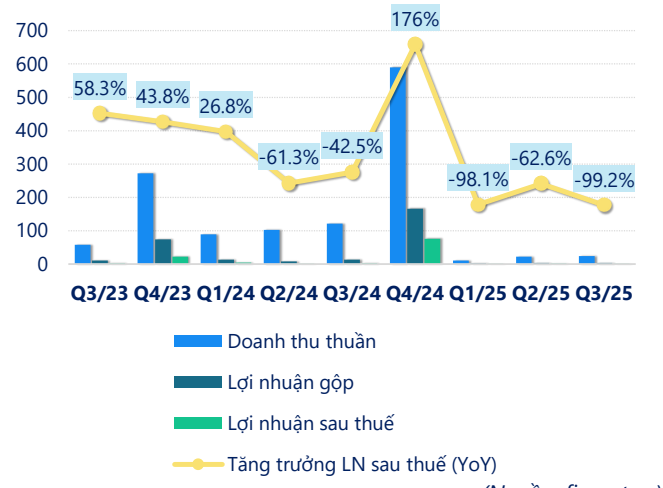
ROE

Q3/25

14.5%

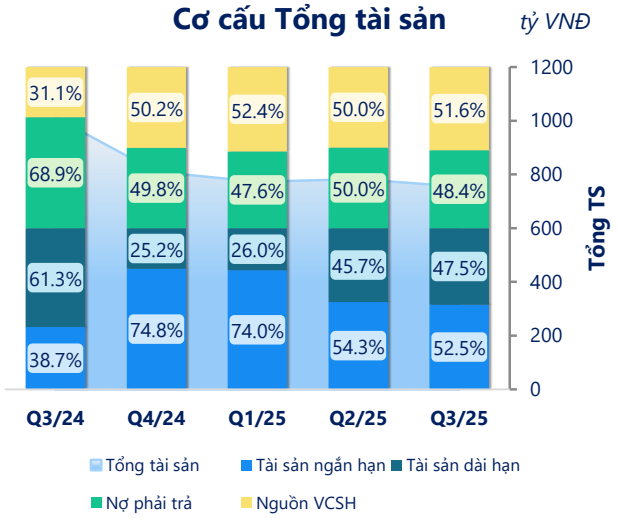
+/- YoY: ▲ 8.8%

Kết quả kinh doanh



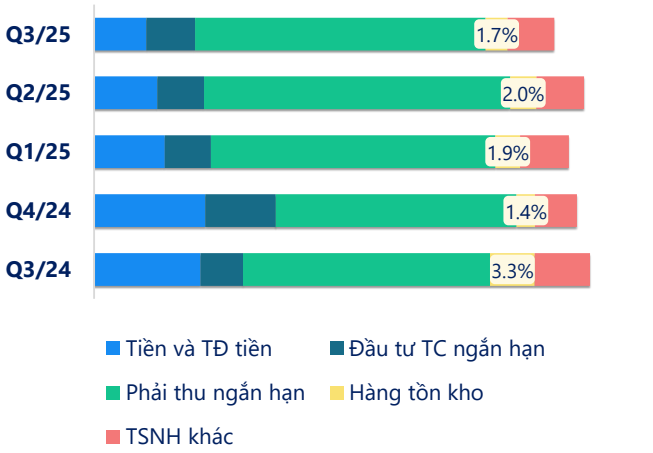
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



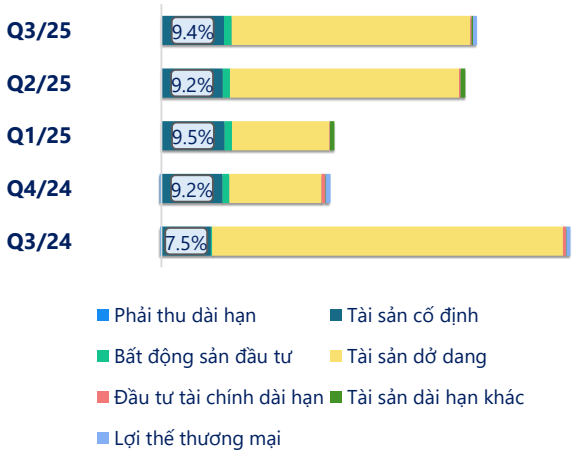
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



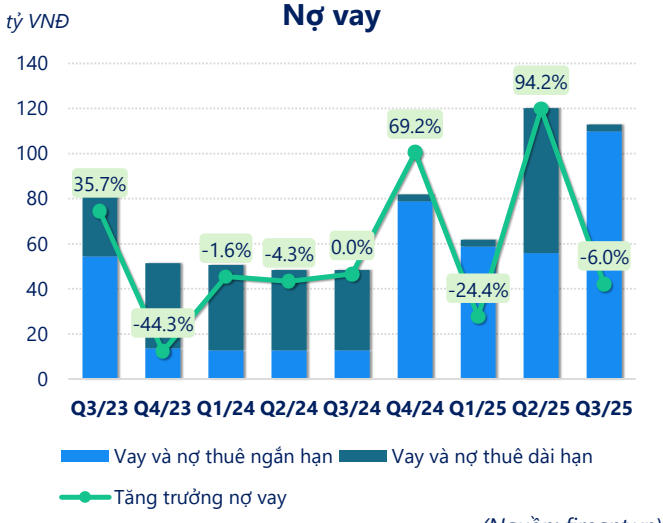
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



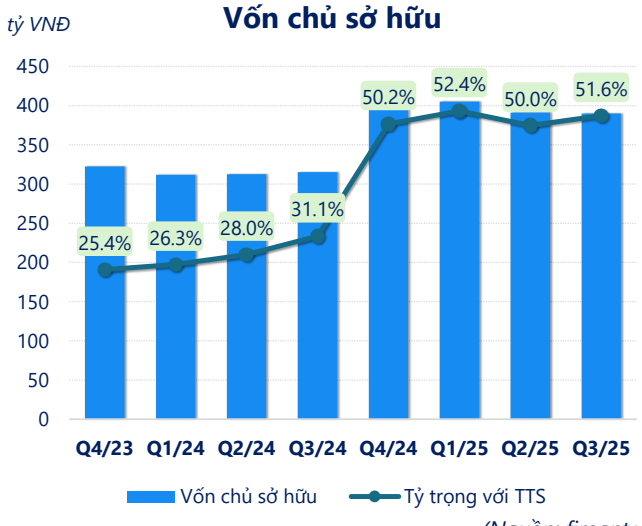
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



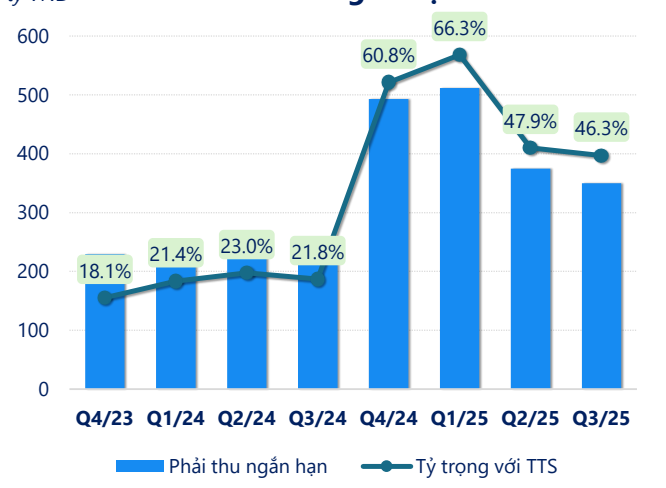
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



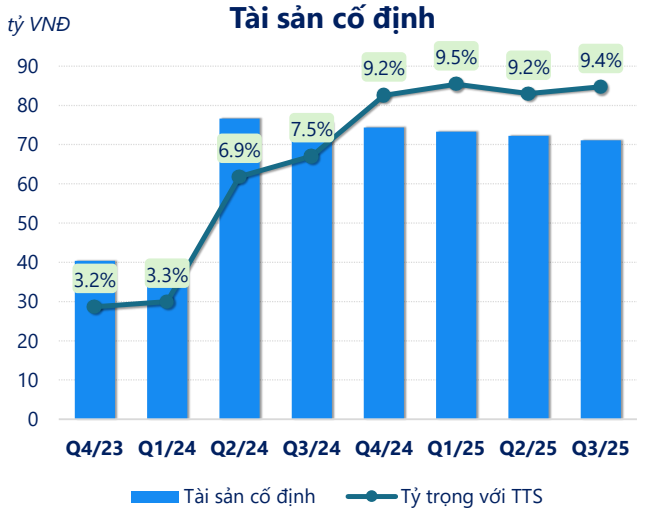
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



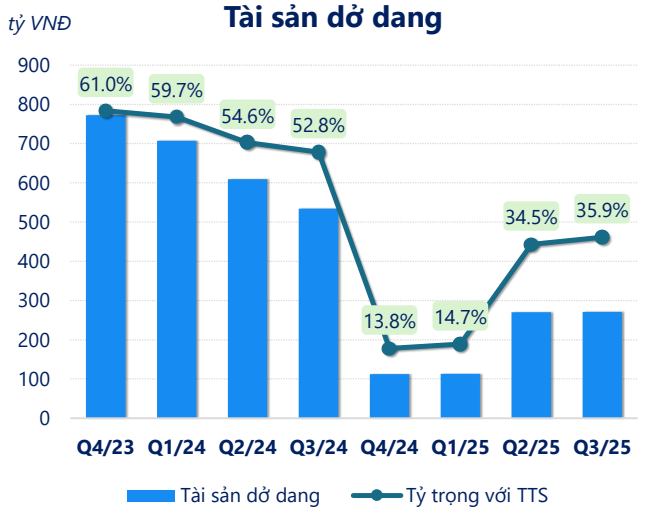
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



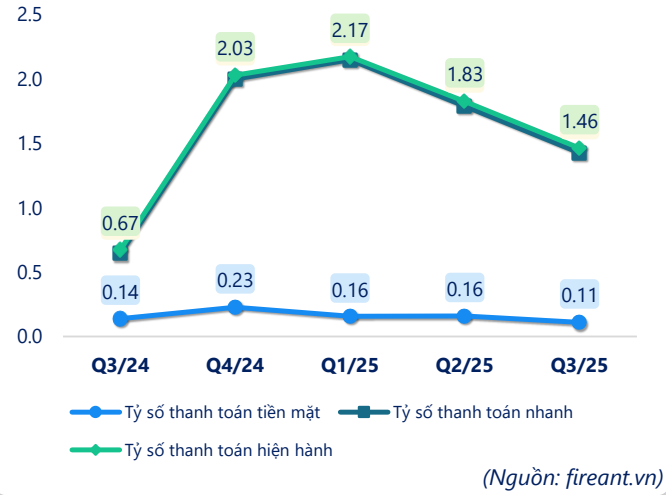
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



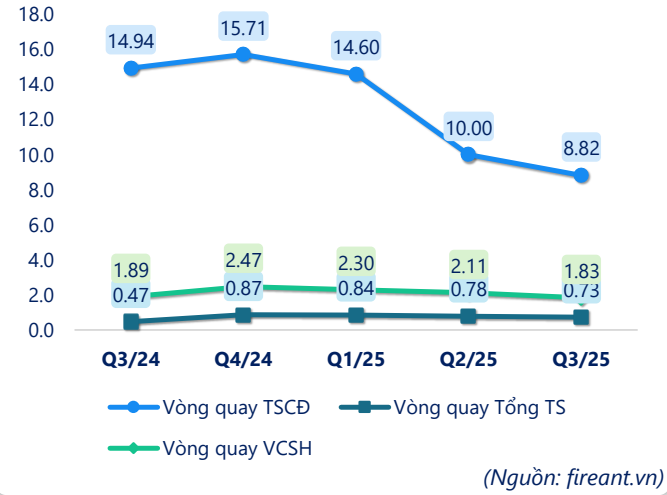
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,012**	**811**	**772**	**783**	**755**
Tài sản ngắn hạn	**392**	**606**	**571**	**425**	**397**
Tiền và tương đương tiền	80.9	67.8	41.0	37.3	29.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.2	35.2	9.19	0	0
Phải thu ngắn hạn	221	493	512	375	350
Hàng tồn kho	16.9	9.12	6.20	9.06	10.5
Tài sản ngắn hạn khác	35.5	1.48	2.93	3.91	6.60
Tài sản dài hạn	**621**	**204**	**201**	**358**	**359**
Phải thu dài hạn	-2.02	-2.02	0	0	0
Tài sản cố định	75.5	74.4	73.3	72.2	71.1
Bất động sản đầu tư	1.62	8.61	8.61	8.65	8.65
Tài sản dở dang	534	112	113	270	271
Đầu tư tài chính dài hạn	4.60	4.60	0.60	1.49	1.49
Tài sản dài hạn khác	0.83	0.76	5.27	5.76	1.67
Lợi thế thương mại	5.91	5.56	0	0	4.51
Nợ phải trả	**697**	**403**	**367**	**392**	**365**
Nợ ngắn hạn	**581**	**299**	**263**	**233**	**271**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.7	78.8	58.8	55.8	110
Phải trả người bán ngắn hạn	39.3	52.6	45.3	22.0	18.5
Nợ dài hạn	116	104	104	159	94.3
Vay và nợ thuê dài hạn	35.7	3.03	3.03	64.3	3.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	**315**	**407**	**405**	**391**	**390**
Vốn chủ sở hữu	**315**	**407**	**405**	**391**	**390**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)